

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

あ	あ	えい	映	ÁNH	か	家	GIA	がい	涯	NHAI	かん	寬	KHOAN	ぎ	技	KỸ
あ	亜	えい	営	DOANH	か	仮	GIẢ	がい	街	NHAI	かん	款	KHOẢN	ぎ	欺	KHI
あい	哀	えい	銳	NHUỆ	か	価	GIÁ	かく	閣	CÁC	かん	勸	KHUYẾN	ぎ	儀	NGHI
あい	愛	えい	衛	VỆ	か	嫁	GIÁ	かく	各	CÁC	かん	閑	NHÀN	ぎ	宜	NGHI
あく	握	えい	榮	VINH	か	架	GIÁ	かく	格	CÁCH	かん	官	QUAN	ぎ	疑	NGHI
あく	悪	えい	永	VĨNH	か	稼	GIÁ	かく	隔	CÁCH	かん	棺	QUAN	ぎ	擬	NGHĨ
あつ	庄	えい	泳	VỊNH	か	佳	GIAI	かく	革	CÁCH	かん	觀	QUAN	ぎ	議	NGHỊ
あん	暗	えい	詠	VỊNH	か	何	HÀ	かく	覺	GIÁC	かん	関	QUAN	ぎ	義	NGHĨA
あん	安	えき	易	DỊ	か	河	HÀ	かく	角	GIÁC	かん	管	QUẢN	ぎ	偽	NGỤY
あん	安	えき	役	DỊCH	か	荷	HÀ	かく	較	GIÁO	かん	慣	QUÁN	きく	菊	CÚC
あん	案	えき	液	DỊCH	か	暇	HẠ	かく	嚇	HÁCH	かん	貫	QUÁN	ぎく	菊	CÚC
	案	えき	駅	DỊCH	か	下	HẠ	かく	核	HẠCH	かん	館	QUÁN	きち	吉	CÁT
	案	えき	疫	DỊCH	か	夏	HẠ	かく	画	HỌA	かん	冠	QUAN	きつ	詰	CẬT
	案	えき	益	ÍCH	か	花	HOA	かく	獲	HỌACH	かん	卷	QUYỂN	きつ	喫	KHIẾT
い	移	えつ	悅	DUYỆT	か	火	HỎA	かく	客	KHÁCH	かん	刊	SAN	きつ	吉	CÁT
い	遺	えつ	閱	DUYỆT	か	化	HÓA	かく	拈	KHUẾCH	がん	含	HÀM	きや	脚	CƯỚC
い	以	えつ	越	VIỆT	か	貨	HÓA	かく	郭	QUÁCH	がん	丸	HOÀN	きやく	脚	CƯỚC
い	異	えつ	謁	YẾT	か	禍	HỌA	かく	殼	XÁC	がん	岸	NGẠN	きやく	客	KHÁCH
い	唯	えつ	塩	DIÊM	か	華	HOA	かく	確	XÁC	がん	頑	NGOAN	きやく	却	KHƯỚC
い	維	えん	延	DIÊN	か	可	KHẢ	かく	穫	HỌACH	がん	元	NGUYÊN	きやく	逆	NGỊCH
い	威	えん	演	DIỄN	か	科	KHOA	かく	學	HỌC	がん	願	NGUYỆN	きやく	虐	NGỰC
い	委	えん	沿	DUYÊN	か	課	KHÓA	かく	樂	LẠC	がん	岩	NHAM	きやく	虐	NGỰC
い	尉	えん	沿	DUYÊN	か	靴	NGOẠI	かく	額	NGẠCH	がん	顏	NHAN	きやく	虐	NGỰC
い	尉	えん	縁	DUYÊN	か	渦	OA	かく	岳	NHẠC	がん	眼	NHẮN	きやく	虐	NGỰC
い	為	えん	炎	VIÊM	か	寡	QUẢ	かく	割	CẮT	き	基	CƠ	きやく	給	CẤP
い	偉	えん	円	VIÊN	か	果	QUẢ	かく	謁	CẮT	き	姬	CƠ	きやく	及	CẬP
い	緯	えん	園	VIÊN	か	菓	QUẢ	かく	喝	HÁT	き	姫	CƠ	きやく	求	CẦU
い	緯	えん	垣	VIÊN	か	菓	QUẢ	かく	轄	HẠT	き	機	CƠ	きやく	球	CẦU
い	位	えん	猿	VIÊN	か	賀	HẠ	かく	活	HOẠT	き	肌	CƠ	きやく	糾	CỦ
い	胃	えん	援	VIÊN	か	画	HỌA	かく	滑	HOẠT	き	飢	CƠ	きやく	窮	CÙNG
い	医	えん	遠	VIỄN	か	我	NGÃ	かく	渴	KHÁT	き	輝	HUY	きやく	救	CỨU
い	衣	えん	煙	YÊN	か	餓	NGHÀ	かく	括	QUÁT	き	輝	HUY	きやく	究	CỨU
い	意	えん	宴	YẾN	か	芽	NHẢ	かく	合	HỢP	き	希	HY	きやく	旧	CŨU
い, え	依	えん	お		か	雅	NHẢ	かく	月	NGUYỆT	き	喜	HỖ	きやく	吸	HẤP
いき	域	お	悪	ÁC	かい	改	CẢI	かん	缶	PHŨU	き	岐	KỠ	きやく	朽	HỦ
いく	育	お	汚	Ô	かい	皆	GIAI	かん	甘	CAM	き	崎	KỠ	きやく	休	HƯU
いち	一	お	可	KHẢ	かい	階	GIAI	かん	感	CẢM	き	旗	KỠ	きやく	泣	KHẮP
いち	壹	お	桜	ANH	かい	解	GIẢI	かん	敢	CẢM	き	期	KỠ	きやく	丘	KHÂU
いつ	逸	おう	凹	AO	かい	介	GIỚI	かん	乾	CAN	き	祈	KỠ	ぎやく	牛	NGŨU
いん	陰	おう	奥	ÁO	かい	届	GIỚI	かん	干	CAN	き	己	KỠ	ぎやく	宮	CUNG
いん	音	おう	押	ÁP	かい	戒	GIỚI	かん	肝	CAN	き	幾	KỠ	ぎやく	久	CỬU
いん	飲	おう	欧	ÂU	かい	械	GIỚI	かん	幹	CÁN	き	机	KỠ	ぎやく	九	CỬU
いん	飲	おう	殴	ÂU	かい	界	GIỚI	かん	監	GIÁM	き	紀	KỠ	きやく	居	CŨ
いん	印	おう	皇	HOÀNG	かい	海	HẢI	かん	鑑	GIÁM	き	寄	KỠ	きやく	居	CŨ
いん	引	おう	黄	HOÀNG	かい	懷	HOÀI	かん	間	GIÂN	き	既	KỠ	きやく	巨	CỰ
いん	因	おう	横	HOÀNH	かい	壞	HOẠI	かん	簡	GIẢN	き	記	KỠ	きやく	拒	CỰ
いん	姻	おう	翁	ÔNG	かい	回	HỒI	かん	甲	GIÁP	き	忌	KỠ	きやく	据	CỰ
いん	韻	おう	応	ỨNG	かい	悔	HỐI	かん	陷	HẨM	き	騎	KỠ	きやく	据	CỰ
いん	員	おう	央	ƯƠNG	かい	会	HỘI	かん	艦	HẠM	き	奇	KỠ	きやく	抛	CỰ
いん	院	おう	往	VẮNG	かい	開	KHAI	かん	憾	HẨM	き	器	KHÍ	きやく	虚	HƯ
う	右	おう	王	VƯƠNG	かい	快	KHOÀI	かん	寒	HÀN	き	棄	KHÍ	きやく	虚	HƯ
う	有	おう	屋	ỐC	かい	塊	KHỐI	かん	汗	HÀN	き	氣	KHÍ	きやく	許	HỨA
う	宇	おう	億	ỨC	かい	刈	NGẠI	かん	漢	HÀN	き	汽	KHÍ	きやく	去	KHỨ
う	羽	おう	億	ỨC	かい	街	NHAI	かん	歎	HOÀN	き	起	KHỞI	ぎ	漁	NGƯ
う	雨	おう	乙	ẤT	かい	拐	QUẠI	かん	完	HOÀN	き	危	NGUY	ぎ	魚	NGƯ
うん	雲	おん	音	ÂM	かい	怪	QUẠI	かん	環	HOÀN	き	季	QUÍ	ぎ	御	NGỰ
うん	運	おん	恩	ÂN	かい	掛	QUẠI	かん	還	HOÀN	き	帰	QUI	ぎ	競	CẠNH
	え	おん	温	ÔN	がい	該	CAI	かん	緩	HOẢN	き	規	QUI	ぎ	境	CẢNH
え	会	おん	穩	ỔN	がい	害	HẠI	かん	喚	HOÁN	き	鬼	QUỠ	ぎ	共	CỘNG
え	絵	おん	遠	VIỄN	がい	劾	HẠC	かん	換	HOẠN	き	軌	QUỠ	ぎ	供	CUNG
え	恵	か	歌	CA	がい	慨	KHÁI	かん	患	HOẠN	き	貴	QUÝ	ぎ	強	CƯỜNG
えい	英	か	箇	CÁ	がい	概	KHÁI	かん	勘	KHÁM	き	企	XÍ	ぎ	狂	CUỒNG
えい	影	か	加	GIA	がい	外	NGOẠI	かん	看	KHÁN	ぎ	戲	HÍ	ぎ	教	GIÁO

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

きょう	脅	HIẾP	ぐ	具	CỤ	けっ	血	HUYẾT	こ	湖	HỒ	こう	黄	HOÀNG	さ	再	TÁI
きょう	協	HIỆP	ぐ	愚	NGU	けっ	穴	HUYỆT	こ	戸	HỘ	こう	紅	HỒNG	さ	唆	TOA
きょう	挟	HIỆP	ぐ	虞	NGU	けっ	結	KẾT	こ	虚	HƯ	こう	洪	HỒNG	さ	鎖	TỎA
きょう	狭	HIỆP	く	空	KHÔNG	けっ	傑	KIỆT	こ	己	KỶ	こう	香	HƯƠNG	さ	査	TRA
きょう	峽	HIỆP	ぐ	宮	CUNG	けっ	潔	KHIẾT	こ	誇	KHOA	こう	興	HƯNG	さ	査	TRÀ
きょう	凶	HUNG	ぐ	偶	NGẪU	けっ	欠	KHIẾM	こ	枯	KHÔ	こう	向	HƯỚNG	さ	詐	TRÁ
きょう	胸	HUNG	ぐ	遇	NGỘ	けっ	決	QUYẾT	こ	庫	KHỔ	こう	康	KHANG	さ	座	TỌA
きょう	況	HUỐNG	ぐ	隅	NGUNG	げっ	月	NGUYỆT	こ	去	KHỨ	こう	抗	KHÁNG	さ		
きょう	兄	HUYNH	く	屈	KHUẤT	けん	間	GIAN	こ	後	HẬU	こう	坑	KHANH	さい	殺	SÁT
きょう	興	HƯNG	く	掘	QUẬT	けん	嫌	HIỀM	こ	互	HỒ	こう	坑	KHẢO	さい	災	TAI
きょう	郷	HƯƠNG	く	勳	HUÂN	けん	險	HIỀM	こ	護	HỘ	こう	肯	KHẮNG	さい	才	TÀI
きょう	香	HƯƠNG	くん	薰	HUÂN	けん	軒	HIỀN	こ	期	KỶ	こう	口	KHẨU	さい	裁	TÀI
きょう	享	HƯƠNG	くん	訓	HUÂN	けん	賢	HIỀN	こ	碁	KỶ	こう	鉞	KHOẢNG	さい	裁	TÀI
きょう	響	HƯỜNG	くん	君	QUÂN	けん	頸	HIỂN	こ	碁	KỶ	こう	孔	KHỔNG	さい	財	TÀI
きょう	橋	KIỂU	ぐん	軍	QUÂN	けん	獻	HIỂN	こ	午	NGÔ	こう	控	KHỔNG	さい	載	TÁI
きょう	矯	KIỂU	ぐん	群	QUẦN	けん	憲	HIỂN	こ	吳	NGÔ	こう	硬	NGẠNH	さい	再	TÁI
きょう	京	KINH	ぐん	郡	QUẬN	けん	懸	HUYỀN	こ	悟	NGỘ	こう	仰	NGƯỠNG	さい	西	TÂY
きょう	経	KINH	ぐん	郡	QUẬN	けん	県	HUYỀN	こ	誤	NGỘ	こう	光	QUANG	さい	宰	TẾ
きょう	驚	KINH	け	家	GIA	けん	兼	KIÊM	こ	娛	NGU	こう	光	QUANG	さい	濟	TẾ
きょう	鏡	KÍNH	け	仮	GIẢ	けん	檢	KIỂM	こ	五	NGŨ	こう	広	QUẢNG	さい	祭	TẾ
きょう	叫	KHIẾU	け	化	HÓA	けん	劍	KIỂM	こ	語	NGŨ	こう	巧	XẢO	さい	細	TẾ
きょう	恐	KHỦNG	け	華	HOA	けん	儉	KIỂM	こ	御	NGỰ	こう	剛	CƯƠNG	さい	際	TẾ
ぎょう	行	HÀNH	け	懸	HUYỀN	けん	堅	KIỀM	こ	港	CẢNG	こう	強	CƯỜNG	さい	碎	TOÁI
ぎょう	曉	HIỂU	け	希	HY	けん	肩	KIỀM	こ	更	CANH	こう	豪	HÀO	さい	最	TỐI
ぎょう	形	HÌNH	け	怪	QUÁI	けん	繭	KIỀM	こ	耕	CANH	こう	号	HIÊU	さい	歲	TUẾ
ぎょう	業	NGHIỆP	げ	解	GIẢI	けん	建	KIỀM	こ	高	CAO	こう	合	HỢP	さい	採	THÁI
ぎょう	凝	NGƯNG	げ	下	HẠ	けん	見	KIỀM	こ	稿	CẢO	こう	郷	HƯƠNG	さい	菜	THÁI
ぎょう	仰	NGƯỠNG	げ	夏	HẠ	けん	件	KIỀM	こ	拘	CÂU	こう	拷	KHẢO	さい	彩	THÁI
きよく	局	CỤC	げ	外	NGOẠI	けん	健	KIỀM	こ	構	CẤU	こう	業	NGHIỆP	さい	妻	THÊ
きよく	極	CỰC	けい	境	CẢNH	けん	謙	KHIỀM	こ	購	CẦU	こく	告	CÁO	さい	催	THÔI
きよく	曲	KHÚC	けい	景	CẢNH	けん	遣	KHIỀM	こ	溝	CÂU	こく	穀	CỐC	さい	齋	TRAI
ぎよく	玉	NGỌC	けい	警	CẢNH	けん	券	KHOẢN	こ	公	CÔNG	こく	谷	CỐC	さい	債	TRÁI
きん	琴	CẨM	けい	競	CANH	けん	犬	KHUYỂN	こ	功	CÔNG	こく	黒	HẮC	さい	材	TÀI
きん	禁	CẤM	けい	莖	HÀNH	けん	驗	NGHIỆM	こ	工	CÔNG	こく	克	KHẮC	さい	財	TÀI
きん	斤	CÂN	けい	莖	HÀNH	けん	研	NGHIỀM	こ	攻	CÔNG	こく	刻	KHẮC	さい	在	TẠI
きん	筋	CÂN	けい	系	HỆ	けん	権	QUYỀN	こ	貢	CÔNG	こく	酷	KHỐC	さい	西	TÂY
きん	勤	CẦN	けい	系	HỆ	けん	権	QUYỀN	こ	綱	CƯƠNG	こく	国	QUỐC	さい	劑	TẾ
きん	謹	CẨN	けい	刑	HÌNH	けん	絹	QUYỄN	こ	鋼	CƯƠNG	こく	極	CỰC	さい	罪	TỘI
きん	近	CẬN	けい	形	HÌNH	けん	圈	QUYỄN	こ	醇	DIỄU	こく	獄	NGỤC	さく	冊	SÁCH
きん	今	KIM	けい	携	HUỆ	げん	幻	ẢO	こ	江	GIANG	こつ	骨	CỐT	さく	策	SÁCH
きん	金	KIM	けい	惠	HUỆ	げん	減	GIẢM	こ	講	GIẢNG	こつ	滑	HOẠT	さく	索	SÁCH
きん	襟	KHÂM	けい	兄	HUYNH	げん	限	HẠN	こ	交	GIAO	こん	紺	CÁM	さく	作	TÁC
きん	緊	KHẨN	けい	蛩	HUYNH	げん	嫌	HIỀM	こ	郊	GIAO	こん	根	CĂN	さく	昨	TẠC
きん	菌	KHUẨN	けい	雞	KÊ	げん	現	HIỆN	こ	絞	GIẢO	こん	昆	CÔN	さく	酢	TẠC
きん	均	QUÂN	けい	繼	KÊ	げん	弦	HUYỀN	こ	岬	GIÁP	こん	恨	HẬN	さく	削	TƯỚC
ぎん	吟	NGÂM	けい	計	KẾ	げん	玄	HUYỀN	こ	甲	GIÁP	こん	獻	HIẾN	さく	錯	THÁC
ぎん	銀	NGÂN	けい	京	KINH	げん	嚴	NGHIỆM	こ	航	HÀNH	こん	婚	HÔN	さく	搾	TRÁ
く	公	CÔNG	けい	経	KINH	げん	言	NGÔN	こ	項	HẠNG	こん	魂	HỒN	ざく	冊	SÁCH
く	工	CÔNG	けい	徑	KÍNH	げん	元	NGUYÊN	こ	行	HÀNH	こん	混	HỖN	ざく	早	TẢO
く	貢	CỐNG	けい	敬	KÍNH	げん	原	NGUYÊN	こ	衡	HÀNH	こん	建	KIẾN	ざく	刷	LOÁT
く	句	CÚ	けい	啓	KHẢI	げん	源	NGUYÊN	こ	幸	HẠNH	こん	今	KIM	ざく	冊	SÁCH
く	宮	CUNG	けい	慶	KHÁNH	げん	眼	NHẦN	こ	好	HẢO	こん	金	KIM	ざく	察	SÁT
く	供	CUNG	けい	溪	KHÊ	こ	個	CÁ	こ	耗	HẢO	こん	懇	KHẨN	ざく	擦	SÁT
く	久	CỬU	けい	憩	KHÊ	こ	孤	CÔ	こ	恒	HĂNG	こん	懇	KHẨN	ざく	殺	SÁT
く	九	CỬU	けい	契	KHÊ	こ	古	CỔ	こ	侯	HẦU	こん	困	KHỔN	ざく	撮	TÓAT
く	紅	HỒNG	けい	輕	KHINH	こ	古	CỔ	こ	侯	HẦU	こん	勤	CẦN	ざく	札	TRÁT
く	口	KHẨU	けい	傾	KHUYNH	こ	鼓	CỔ	こ	后	HẬU	こん	嚴	NGHIỆM	ざく	雜	TẠP
く	苦	KHỔ	けい	揭	YẾT	こ	固	CỔ	こ	厚	HẬU	こん	言	NGÔN	ざん	贊	TÀN
く	庫	KHỔ	げい	鯨	KINH	こ	故	CỔ	こ	後	HẬU	ざん	權	QUYỀN	ざん	杉	SAM
く	区	KHU	げい	芸	NGHỆ	こ	雇	CỔ	こ	孝	HIỂU	ざん	砂	SA	ざん	産	SẢN
く	驅	KHU	げい	迎	NGHÊNH	こ	顧	CỔ	こ	効	HIỂU	ざん	差	SAI	ざん	栈	SẢN
く	偶	NGẪU	げき	擊	KÍCH	こ	抛	CỬ	こ	校	HIỂU	ざん	左	TÁ	ざん	山	SƠN
ぐ	貢	CỐNG	げき	劇	KỊCH	こ	黃	HOÀNG	こ	荒	HOANG	ざん	佐	TÁC	ざん	三	TAM
			げき	激	KÍCH	こ	呼	HỒ	こ	慌	HOANG	ざん	作	TÁC	ざん	蚕	TÂM
						こ	弧	HỒ	こ	皇	HOANG	ざん			ざん	参	THAM

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

さん	傘	TẢN	じ	字	TỰ	しゅ	殊	THÙ	しゅん	春	XUÂN	しょう	詳	TƯỜNG	じょく	辱	NHỤC
さん	散	TẢN	じ	寺	TỰ	しゅ	取	THỦ	じゅん	准	CHUẨN	しょう	奨	TƯỜNG	しん	針	CHÂM
さん	酸	TOAN	じ	自	TỰ	しゅ	手	THỦ	じゅん	準	CHUẨN	しょう	匠	TƯỢNG	しん	針	CHÂM
さん	算	TOÁN	じ	似	TỰ	しゅ	守	THỦ	じゅん	潤	NHUẬN	しょう	象	TƯỢNG	しん	真	CHÂN
さん	惨	THẨM	じ	璽	TỰ	しゅ	首	THỦ	じゅん	遵	TUẦN	しょう	将	TƯƠNG	しん	診	CHẨN
ざん	暫	TAM	じ	侍	THỊ	しゅ	狩	THÚ	じゅん	巡	TUẦN	しょう	相	TƯƠNG	しん	震	CHẤN
ざん	残	TÀN	じ	示	THỊ	しゅ	趣	THÚ	じゅん	循	TUẦN	しょう	声	THANH	しん	甲	GIÁP
し	支	CHI	じ	時	THỜI	じゅ	儒	NHO	じゅん	旬	TUẦN	しょう	清	THANH	しん	森	SÂM
し	枝	CHI	じ	次	THỨ	じゅ	需	NHU	じゅん	殉	TUẦN	しょう	青	THANH	しん	心	TÂM
し	肢	CHI	じ	持	TRÌ	じゅ	從	TÙNG	じゅん	純	THUẦN	しょう	升	THĂNG	しん	寢	TẨM
し	脂	CHI	じ	治	TRỊ	じゅ	就	TỰU	じゅん	盾	THUẦN	しょう	昇	THĂNG	しん	浸	TẨM
し	芝	CHI	じ	除	TRỪ	じゅ	寿	THỌ	じゅん	順	THUẬN	しょう	勝	THẮNG	しん	新	TÂN
し	指	CHỈ	じ	兒	NHI	じゅ	受	THỤ	じゅ	諸	CHƯ	しょう	涉	THIỆP	しん	津	TÂN
し	旨	CHỈ	しき	織	CHỨC	じゅ	授	THỤ	しよ	初	SƠ	しょう	燒	THIỆU	しん	薪	TÂN
し	止	CHỈ	しき	職	CHỨC	じゅ	樹	THỤ	しよ	所	SỞ	しょう	紹	THIỆU	しん	辛	TÂN
し	祉	CHỈ	しき	色	SẮC	しゅう	執	CHẤP	しよ	緒	TỰ	しょう	少	THIỆU	しん	進	TIẾN
し	紙	CHỈ	しき	式	THỨC	しゅう	州	CHÂU	しよ	且	THƯ	しょう	承	THỪA	しん	信	TÍN
し	志	CHÍ	しき	識	THỨC	しゅう	舟	CHÂU	しよ	書	THƯ	しょう	傷	THƯƠNG	しん	深	THÂM
し	至	CHÍ	じき	食	THỰC	しゅう	周	CHU	しよ	暑	THỬ	しょう	商	THƯƠNG	しん	深	THÂM
し	誌	CHÍ	じき	軸	TRỤC	しゅう	週	CHU	しよ	庶	THỬ	しょう	償	THƯỜNG	しん	審	THẨM
し	仕	SĨ	しち	七	THẤT	しゅう	祝	CHÚC	しよ	署	THỰ	しょう	賞	THƯỢNG	しん	申	THÂN
し	士	SĨ	しち	質	CHẤT	しゅう	終	CHUNG	しよ	処	XỬ	しょう	尚	THƯỢNG	しん	紳	THÂN
し	師	SƯ	しつ	執	CHẤP	しゅう	衆	CHÚNG	じよ	女	NỮ	しょう	粧	TRANG	しん	親	THÂN
し	史	SỬ	しつ	質	CHẤT	しゅう	愁	SÂU	じよ	如	NHƯ	しょう	莊	TRANG	しん	身	THÂN
し	使	SỬ	しつ	漆	TẮT	しゅう	習	TẬP	じよ	徐	TỪ	しょう	裝	TRANG	しん	唇	THẦN
し	漬	TÍ	しつ	疾	TẬT	しゅう	襲	TẬP	じよ	叙	TỰ	しょう	召	TRIÊU	しん	娠	THẦN
し	姿	TƯ	しつ	湿	THẤP	しゅう	集	TẬP	じよ	叙	TỰ	しょう	衝	XUNG	しん	神	THẦN
し	思	TƯ	しつ	失	THẤT	しゅう	宗	TÔNG	じよ	序	TỰ	しょう	稱	XUNG	しん	臣	THẦN
し	私	TỰ	しつ	室	THẤT	しゅう	修	TU	じよ	助	TRỢ	しょう	唱	XƯỚNG	しん	慎	THẬN
し	自	TỰ	じつ	日	NHẬT	しゅう	囚	TÙ	しよ	昭	CHIÊU	じょう	蒸	CHƯNG	しん	請	THỈNH
し	諮	TỰ	じつ	実	THỰC	しゅう	秀	TÚ	しよ	沼	CHIỂU	じょう	暈	ĐIỆP	しん	侵	XÂM
し	資	TỰ	しや	煮	CHỮ	しゅう	就	TỰU	しよ	照	CHIỂU	じょう	条	ĐIỀU	じん	仁	NHÂN
し	詞	TỪ	しや	遮	GIẢ	しゅう	拾	THẬP	しよ	詔	CHIỂU	じょう	錠	ĐĨNH	じん	人	NHÂN
し	死	TỪ	しや	者	GIẢ	しゅう	収	THU	しよ	詔	CHIỂU	じょう	女	NỮ	じん	刃	NHẪN
し	紫	TỪ	しや	砂	SA	しゅう	秋	THU	しよ	招	CHIÊU	じょう	娘	NƯƠNG	じん	尋	TÂM
し	伺	TỪ	しや	砂	TÀ	しゅう	酬	THÙ	しよ	政	CHÍNH	じょう	冗	NHŨNG	じん	迅	TẤN
し	四	TỪ	しや	斜	TÀ	しゅう	醜	XÚ	しよ	正	CHÍNH	じょう	壤	NHŨƠNG	じん	尽	TÂN
し	賜	TỪ	しや	写	TẢ	しゅう	臭	XÚ	しよ	鐘	CHUNG	じょう	釀	NHŨƠNG	じん	甚	THÂM
し	嗣	TỰ	しや	謝	TẠ	じゅう	定	ĐỊNH	しよ	症	CHỨNG	じょう	讓	NHỰƠNG	じん	甚	THÂM
し	嗣	TỰ	しや	車	XÀ	じゅう	柔	NHU	しよ	証	CHỨNG	じょう	孃	NƯƠNG	じん	臣	THẦN
し	飼	TỰ	しや	捨	XẢ	じゅう	洪	SÁP	しよ	彰	CHƯƠNG	じょう	孃	NƯƠNG	じん	陣	TRẬN
し	司	TỰ	しや	社	XẢ	じゅう	洪	SÁP	しよ	彰	CHƯƠNG	じょう	棧	SAN	す	主	CHỦ
し	子	TỬ	しや	舍	XẢ	じゅう	充	SUNG	しよ	章	CHƯƠNG	じょう	情	TÌNH	す	怒	NỘ
し	糸	TỬ	しや	赦	XẢ	じゅう	銃	SÚNG	しよ	掌	CHƯƠNG	じょう	静	TĨNH	す	数	SỐ
し	姉	TỶ	しや	射	XÀ	じゅう	縱	TUNG	しよ	障	CHƯƠNG	じょう	淨	TỊNH	す	数	SỐ
し	詩	THỊ	じや	邪	TÀ	じゅう	從	TÙNG	しよ	床	SÀNG	じょう	声	THANH	す	素	TỐ
し	矢	THỊ	じや	蛇	XÀ	じゅう	十	THẬP	しよ	抄	SAO	じょう	声	THÀNH	す	子	TỬ
し	試	THÍ	しやく	酌	CHƯỚC	じゅう	十	THẬP	しよ	生	SINH	じょう	成	THÀNH	す	子	TỬ
し	市	THỊ	しやく	勺	CHƯỚC	じゅう	獸	THỦ	しよ	宵	TIÊU	じょう	成	THÀNH	す	守	THỦ
し	視	THỊ	しやく	借	TÁ	じゅう	汁	TRÁP	しよ	消	TIÊU	じょう	繩	THẮNG	ず	主	CHỦ
し	氏	THỊ	しやく	昔	TÍCH	じゅう	住	TRÚ	しよ	焦	TIÊU	じょう	剩	THỪA	ず	頭	ĐẦU
し	施	THỊ	しやく	爵	TƯỚC	じゅう	重	TRỌNG	しよ	硝	TIÊU	じょう	盛	THỊNH	ず	豆	ĐẬU
し	刺	THÍCH	しやく	石	THẠCH	しゅく	祝	CHÚC	しよ	礁	TIÊU	じょう	乘	THỪA	ず	囚	ĐỒ
し	始	THỦY	しやく	積	THÍCH	しゅく	縮	SÚC	しよ	小	TIÊU	じょう	常	THƯỜNG	ず	数	SỐ
し	雌	THƯ	しやく	尺	XÍCH	しゅく	宿	TÚC	しよ	笑	TIÊU	じょう	上	THƯỢNG	ず	事	SỰ
し	次	THỨ	じやく	弱	NHƯỢC	しゅく	宿	TÚC	しよ	肖	TIÊU	じょう	状	TRẠNG	すい	鍾	CHUY
し	齒	XỈ	じやく	若	NHƯỢC	しゅく	叔	THÚC	しよ	晶	TINH	じょう	丈	TRƯỢNG	すい	帥	SƯ
じ	地	ĐỊA	じやく	寂	TỊCH	じゅく	淑	THỤC	しよ	精	TINH	じょう	場	TRƯỜNG	すい	推	SUY
じ	耳	NHĨ	しゅ	珠	CHÂU	じゅく	塾	THỤC	しよ	星	TINH	じょう	囑	CHÚC	すい	衰	SUY
じ	仕	SĨ	しゅ	朱	CHU	じゅく	熟	THỤC	しよ	井	TỈNH	じょう	職	CHỨC	すい	遂	TOAI
じ	事	SỰ	しゅ	株	CHU	しゅつ	出	XUẤT	しよ	省	TỈNH	じょう	織	CHỨC	すい	穗	TUỆ
じ	滋	TƯ	しゅ	主	CHỦ	しゅつ	術	THUẬT	しよ	姓	TÍNH	じょう	色	SẮC	すい	粹	TÚY
じ	慈	TỪ	しゅ	種	CHỦNG	しゅつ	術	THUẬT	しよ	性	TÍNH	じょう	飾	SỨC	すい	醉	TÚY
じ	磁	TỪ	しゅ	衆	CHÚNG	しゅん	俊	TUẦN	しよ	松	TÙNG	じょう	植	THỰC	すい	垂	THÙY
じ	辭	TỪ	しゅ	衆	CHÚNG	しゅん	瞬	THUẦN	しよ	訟	TỤNG	じょう	殖	THỰC	すい	水	THỦY
			しゅ	酒	TỬU	しゅん			しよ	祥	TƯỜNG	じょう	食	THỰC	すい	睡	THỤY
			しゅ			しゅん			しよ			じょう	舐	XÚC			

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

すう	数 SŌ	せき	赤 XÍCH	そう	霜 SƯƠNG	た	他 THA	だん	壇 ĐÀM	ちよう	昼 TRÚ
すう	崇 SŪNG	せつ	折 CHIẾT	そう	搜 SƯU	た	太 THÁI	だん	彈 ĐÀN	ちよう	駐 TRÚ
すい	出 XUẤT	せつ	拙 CHUYẾT	そう	桑 TANG	だ	打 ĐÀ	だん	団 ĐOÀN	ちよう	宙 TRỤ
すう	枢 XU	せつ	撰 NHIẾP	そう	葬 TÁNG	だ	駄 ĐÀ, ĐẠ	だん	段 ĐOẠN	ちよう	柱 TRỤ
すい	吹 XUY	せつ	殺 SÁT	そう	喪 TANG	だ	駄 ĐỌA	だん	断 ĐOÀN	ちよう	忠 TRUNG
すい	炊 XUY	せつ	接 TIẾP	そう	遭 TAO	だ	駄 ĐỌA	だん	暖 NOẢM	ちよう	衷 TRUNG
ずい	随 TÙY	せつ	節 TIẾT	そう	曹 TÀO	だ	駄 THỎA	だん	男 NAM	ちよう	虫 TRÙNG
ずい	髓 TUỖ	せつ	雪 TUYẾT	そう	槽 TÀO	だ	駄 XÀ		ち	ちよう	中 TRUNG
すん	寸 THỐN	せつ	切 THIẾT	そう	掃 TÀO	たい	台 ĐÀI	ち	質 CHẤT	ちよう	徵 TRƯNG
	せ	せつ	窃 THIẾT	そう	掃 TÀO	たい	待 ĐÃI	ち	痴 SI	ちよう	抽 TRỨU
せ	世 THẾ	せつ	窃 THIẾT	そう	早 TẢO	たい	怠 ĐÃI	ち	恥 SỈ	ちよう	冲 XUNG
せ	施 THI	せつ	説 THUYẾT	そう	燥 TẢO	たい	怠 ĐÃI	ち	池 TRÌ	ちん	賃 NHẢM
ぜ	邪 TÀ	ぜつ	絶 TUYẾT	そう	騷 TAO	たい	怠 ĐAI	ち	遲 TRÌ	ちん	沈 TRẦM
ぜ	是 THỊ	ぜつ	舌 THIẾT	そう	僧 TĂNG	たい	怠 ĐAI	ち	稚 TRĨ	ちん	朕 TRẨM
せい	制 CHẾ	せん	占 CHIÊM	そう	贈 TẶNG	たい	怠 ĐAI	ち	置 TRÍ	ちん	珍 TRẦN
せい	製 CHẾ	せん	戰 CHIẾN	そう	層 TẦNG	たい	怠 ĐAI	ち	致 TRÍ	ちん	陳 TRẦN
せい	征 CHINH	せん	專 CHUYÊN	そう	走 TẨU	たい	怠 ĐỐI	ち	值 TRỊ	ちん	鎮 TRẤN
せい	整 CHỈNH	せん	專 CHUYÊN	そう	走 TẨU	たい	怠 ĐỐI	ち	值 TRỊ	ちん	鎮 TRẤN
せい	正 CHÍNH	せん	扇 PHIẾN	そう	奏 TẤU	たい	怠 ĐỘI	ち	治 TRỊ	ちん	鎮 TRẤN
せい	政 CHÍNH	せん	洗 TÂY	そう	宗 TÔNG	たい	怠 NAI	ち	知 TRI	ちん	鎮 TRẤN
せい	性 SINH	せん	洗 TÂY	そう	宗 TÔNG	たい	怠 THAI	ち	知 TRI	ちん	鎮 TRẤN
せい	生 SINH	せん	潛 TIỀM	そう	送 TỔNG	たい	怠 THÁI	ち	畜 SÚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	西 TÂY	せん	織 TIỀM	そう	想 TƯỞNG	たい	怠 THÁI	ち	蓄 SÚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	斉 TỀ	せん	仙 TIỀN	そう	相 TƯƠNG	たい	怠 THÁI	ち	竹 TRÚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	婿 TỄ	せん	先 TIỀN	そう	草 THẢO	たい	怠 THÁI	ち	竹 TRÚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	星 TINH	せん	鮮 TIỀN	そう	操 THAO	たい	怠 THỂ	ち	逐 TRỤC	ちん	鎮 TRẤN
せい	精 TINH	せん	銑 TIỀN	そう	挿 THÁP	たい	怠 THỂ	ち	室 TRẤT	ちん	鎮 TRẤN
せい	晴 TÌNH	せん	踐 TIỀN	そう	倉 THƯƠNG	たい	怠 THỐI	ち	秩 TRẬT	ちん	鎮 TRẤN
せい	井 TÍNH	せん	薦 TIỀN	そう	莊 TRANG	たい	怠 TRỆ	ち	茶 TRÀ	ちん	鎮 TRẤN
せい	省 TÍNH	せん	宣 TUYỀN	そう	裝 TRANG	だい	題 ĐỀ	ち	嫡 ĐÍCH	ちん	鎮 TRẤN
せい	静 TÍNH	せん	泉 TUYỀN	そう	装 TRANG	だい	弟 ĐỆ	ち	着 TRƯỚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	姓 TÍNH	せん	選 TUYỀN	ぞう	争 TRANH	だい	弟 ĐỆ	ち	貯 TRỮ	ちん	鎮 TRẤN
せい	性 TÍNH	せん	線 TUYỀN	ぞう	臟 TẶNG	だい	弟 ĐỆ	ち	著 TRƯỚC	ちん	鎮 TRẤN
せい	歳 TUẾ	せん	旋 TUYỀN	ぞう	藏 TẶNG	だい	弟 ĐỆ	ち	彫 ĐIỀU	ちん	鎮 TRẤN
せい	声 THANH	せん	千 THIÊN	ぞう	造 TẠO	だい	弟 ĐẠI	ち	鳥 ĐIỀU	ちん	鎮 TRẤN
せい	清 THANH	せん	淺 THIỄN	ぞう	雜 TẠP	だい	弟 ĐẠI	ち	釣 ĐIỀU	ちん	鎮 TRẤN
せい	青 THANH	せん	船 THUYỀN	ぞう	增 TĂNG	たく	度 ĐỘ	ち	弔 ĐIỀU	ちん	鎮 TRẤN
せい	成 THÀNH	せん	川 XUYỀN	ぞう	憎 TẶNG	たく	拓 THÁC	ち	調 ĐIỀU	ちん	鎮 TRẤN
せい	誠 THÀNH	せん	栓 XUYỀN	ぞう	像 TƯỢNG	たく	拓 THÁC	ち	頂 ĐỈNH	ちん	鎮 TRẤN
せい	聖 THÁNH	ぜん	然 NHIÊN	ぞう	象 TƯỢNG	たく	卓 TRÁC	ち	跳 KHIẾU	ちん	鎮 TRẤN
せい	世 THẾ	ぜん	漸 TIỀM	ぞう	贈 TẶNG	たく	濯 TRẠC	ち	庁 SẢNH	ちん	鎮 TRẤN
せい	勢 THẾ	ぜん	前 TIỀN	ぞう	促 XÚC	たく	濯 TRẠC	ち	超 SIÊU	ちん	鎮 TRẤN
せい	誓 THỆ	ぜん	全 TOÀN	ぞう	則 TẮC	たく	濯 TRẠC	ち	超 SIÊU	ちん	鎮 TRẤN
せい	逝 THỆ	ぜん	全 TOÀN	ぞう	速 TỐC	たく	濯 TRẠC	ち	挑 THIÊU	ちん	鎮 TRẤN
せい	請 THỈNH	ぜん	禪 THIÊN	ぞう	足 TÚC	たく	濯 TRẠC	ち	挑 THIÊU	ちん	鎮 TRẤN
せい	盛 THỊNH	ぜん	善 THIÊN	ぞう	即 TỨC	たく	濯 TRẠC	ち	聽 THÍNH	ちん	鎮 TRẤN
ぜい	情 TÌNH	ぜん	善 THIÊN	ぞう	息 TỨC	たく	濯 TRẠC	ち	潮 TRIỀU	ちん	鎮 TRẤN
ぜい	稅 THUẾ	ぜん	繕 SƠ	ぞう	束 THÚC	たく	濯 TRẠC	ち	朝 TRIỀU	ちん	鎮 TRẤN
ぜい	說 THUYẾT	ぜん	礎 SỔ	ぞう	側 TRẮC	たく	濯 TRẠC	ち	兆 TRIỆU	ちん	鎮 TRẤN
せき	隻 CHÍCH	そ	租 TÔ	ぞく	賊 TẮC	ぞく	測 TRẮC	ち	塚 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	惜 TÍCH	そ	祖 TỒ	ぞく	族 TỘC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	析 TÍCH	そ	組 TỒ	ぞく	俗 TỤC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	析 TÍCH	そ	組 TỒ	ぞく	俗 TỤC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	積 TÍCH	そ	素 TỒ	ぞく	続 TỤC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	積 TÍCH	そ	素 TỒ	ぞく	続 TỤC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	績 TÍCH	そ	塑 TỒ	ぞく	属 THUỘC	ぞく	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	昔 TÍCH	そ	訴 TỒ	そつ	率 SUẤT	そつ	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	跡 TÍCH	そ	想 TƯỢNG	そつ	卒 TỐT	そつ	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	夕 TỊCH	そ	粗 THÔ	そん	孫 TÔN	そん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	寂 TỊCH	そ	措 THỔ	そん	尊 TÔN	そん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	席 TỊCH	そ	阻 TRỞ	そん	存 TỒN	そん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	籍 TỊCH	そう	繰 SÀO	そん	損 TỒN	そん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	責 TRÁCH	そう	創 SÁNG	そん	村 THÔN	そん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	責 TRÁCH	そう	巢 SÀO	ぞん	存 TỒN	ぞん	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	石 THẠCH	そう	双 SONG	た	多 ĐA	た	測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN
せき	斥 XÍCH	そう	窓 SONG				測 TRẮC	ち	澄 TRÚNG	ちん	鎮 TRẤN

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

てん	点	ĐIỂM	とう	討	THẢO	にん	人	NHÂN	ばく	麦	MẠCH	ひ	肥	PHÌ	ふ	婦	PHỤ	
てん	店	ĐIỂM	とう	塔	THÁP	にん	忍	NHẪN	はた	傍	BẢNG	ひ	費	PHÍ	ふ	負	PHỤ	
てん	典	ĐIỂN	とう	透	THẤU	にん	認	NHẬN	はち	八	BÁT	ひ	否	PHỦ	ふ	附	PHỤ	
てん	添	THÊM	とう	統	THỐNG		ぬ		はち	鉢	BÁT	ひ	卑	TY	ふ	夫	PHU	
てん	天	THIÊN	どう	導	ĐẠO	ぬ	奴	NÔ	ばち	罰	PHẠT	ひ	避	TY	ふ	父	PHỤ	
てん	展	TRIỂN	どう	同	ĐỒNG		ね		はっ	八	BÁT	ひ	比	TY	ふ	侮	VŨ	
でん	田	ĐIỀN	どう	童	ĐỒNG	ねい	寧	NINH	はっ	法	PHÁP	び	備	BỊ	ふ	不	BẤT	
でん	殿	ĐIÊN	どう	銅	ĐỒNG	ねつ	熱	NHIỆT	はっ	鉢	BÁT	び	美	MỸ	ふ	步	BỘ	
でん	電	ĐIÊN	どう	胴	ĐỒNG	ねん	粘	NIÊM	はっ	髮	PHÁT	び	鼻	TY	ふ	部	BỘ	
でん	伝	TRUYỀN	どう	働	ĐỘNG	ねん	念	NIÊM	はっ	髮	PHÁT	び	微	VI	ふ	分	PHÂN	
	と		どう	動	ĐỘNG	ねん	年	NIÊN	はっ	發	PHÁT	び	尾	VĨ	ふ	奉	PHỤNG	
	と	登	どう	洞	ĐỘNG	ねん	然	NHIÊN	ばつ	拔	BẠT	び	泌	BÍ	ふ	武	VŨ	
	と	頭	どう	堂	ĐƯỜNG	ねん	燃	NHIÊN	ばつ	末	MẠT	ひつ	筆	BÚT	ふ	無	VÔ	
	と	斗	とう	豆	ĐẬU		の		ばつ	發	PHÁT	ひつ	必	TẤT	ふ	舞	VŨ	
	と	斗	とう	道	ĐẠO		の	惱	ばつ	伐	PHẠT	ひつ	泌	BÍ	ふう	封	PHONG	
	と	都	とう	道	ĐẠO		の	腦	ばつ	罰	PHẠT	ひつ	匹	THẤT	ふう	風	PHONG	
	と	凶	とう	塗	ĐỘ		の	腦	ばつ	罰	PHẠT	ひつ	匹	THẤT	ふう	夫	PHU	
	と	塗	とう	徒	ĐỘ		の	納	ばつ	閹	PHIỆT	ひつ	匹	THẤT	ふう	夫	PHU	
	と	徒	とう	途	ĐỘ		の	能	ばつ	婆	BÀ	ひつ	泌	BÍ	ふう	富	PHÚ	
	と	途	とう	度	ĐỘ		の	農	はん	搬	BAN	ひゃく	百	BÁCH	ふく	副	PHÚC	
	と	度	とう	渡	ĐỘ		の	濃	はん	班	BAN	ひゃく	白	BẠCH	ふく	幅	PHÚC	
	と	吐	とう	吐	THỔ		の	濃	はん	般	BAN	ひょう	氷	BĂNG	ふく	福	PHÚC	
	と	土	とう	土	THỔ		は		はん	頒	BAN	ひょう	表	BIỂU	ふく	腹	PHÚC	
	ど	頭	どう	獨	ĐỘC	は	波	BA	はん	版	BẢN	ひょう	俵	BIỂU	ふく	覆	PHÚC	
	ど	奴	どう	讀	ĐỘC	は	把	BÁ	はん	半	BẢN	ひょう	評	BÌNH	ふく	伏	PHỤC	
	ど	努	どう	突	ĐỘT	は	霸	BÁ	はん	伴	BẠN	ひょう	兵	BÌNH	ふく	復	PHỤC	
	ど	怒	どう	凸	ĐỘT	は	破	PHÁ	はん	畔	BẠN	ひょう	拍	PHÁCH	ふく	服	PHỤC	
	ど	怒	どう	突	ĐỘT	は	派	PHÁI	はん	板	BẢN	ひょう	票	PHIẾU	ふく	複	PHỨC	
	ど	度	どう	供	CUNG	ば	馬	MÃ	はん	帆	PHẨM	ひょう	漂	PHIÊU	ふく	複	PHỨC	
	ど	土	とう	團	ĐOÀN	ば	婆	BÀ	はん	帆	PHẨM	ひょう	漂	PHIÊU	ふく	複	PHỨC	
	とう	党	とう	屯	ĐOÀN	ば	婆	BÀ	はん	犯	PHẠM	びょう	病	BỆNH	ふつ	弘	PHẤT	
	とう	当	とう	豚	ĐOÀN	ばあ	婆	BÀ	はん	範	PHẠM	びょう	平	BÌNH	ぶつ	仏	PHẬT	
	とう	刀	とう	曇	ĐÀM	はい	俳	BÀI	はん	反	PHẢN	びょう	描	MIÊU	ぶつ	物	VẬT	
	とう	桃	とう	鈍	ĐỘN	はい	排	BÀI	はん	反	PHẢN	びょう	猫	MIÊU	ふん	紛	PHÂN	
	とう	逃	とう	な		はい	排	BÁI	はん	叛	PHÁN	びょう	苗	MIÊU	ふん	雰	PHÂN	
	とう	陶	とう	な		はい	敗	BAI	はん	飯	PHẠN	びょう	秒	MIỂU	ふん	墳	PHẦN	
	とう	陶	とう	な	南	NAM	はい	杯	はん	坂	PHẢN	ひん	浜	TÂN	ふん	憤	PHẪN	
	とう	倒	とう	な	南	NAM	はい	杯	はん	藩	PHAN	ひん	賓	TÂN	ふん	奮	PHẪN	
	とう	島	とう	ない	内	NỘI	はい	培	はん	藩	PHAN	ひん	頻	TÂN	ふん	粉	PHẦN	
	とう	到	とう	なつ	納	NẠP	はい	輩	はん	繁	PHỒN	ひん	貧	BẦN	ふん	分	PHÂN	
	とう	盜	とう	なん	男	NAM	はい	背	はん	煩	PHIÊN	ひん	貧	BẦN	ふん	分	PHÂN	
	とう	稻	とう	なん	南	NAM	はい	廢	ばん	盤	BÀN	ひん	品	PHẨM	ふん	噴	PHÚN	
	とう	稻	とう	なん	南	NAM	はい	肺	ばん	伴	BẠN	びん	瓶	BÌNH	ぶん	分	PHÂN	
	とう	搭	とう	なん	難	NAN	はい	配	ばん	板	BẢN	びん	貧	BẦN	ぶん	文	VĂN	
	とう	搭	とう	なん	難	NAN	はい	配	ばん	板	BẢN	びん	貧	BẦN	ぶん	聞	VĂN	
	とう	答	とう	なん	納	NẠP	ばい	培	ばん	蠻	MAN	びん	敏	MẨM	ぶん	蚊	VĂN	
	とう	答	とう	なん	軟	NHUYỄN	ばい	陪	ばん	判	PHÁN	びん	便	TIỆN	ぶん	蚊	VĂN	
	とう	踏	とう	なん	軟	NHUYỄN	ばい	陪	ばん	判	PHÁN	びん	便	TIỆN	ぶん	蚊	VĂN	
	とう	灯	とう	に			ばい	陪	ばん	番	PHIÊN	びん	品	PHẨM	ぶん	分	PHÂN	
	とう	登	とう	に	尼	NI, NÊ	ばい	貝	ばん	晚	VĂN		ふ			へ	辺	BIÊN
	とう	騰	とう	に	仁	NHÂN	ばい	倍	ばん	万	VẠN	ふ	不	BẤT	へ	辺	BIÊN	
	とう	騰	とう	に	児	NHI	ばい	梅	ばん	板	BẢN	ふ	布	BỘ	べ	辺	BIÊN	
	とう	等	とう	に	二	NHỊ	ばい	買	ばん	瓶	BÌNH	ふ	怖	BỘ	べ	瓶	BÌNH	
	とう	投	とう	に	弍	NHỊ	ばい	売	ばん	鬻	BỸ	ふ	步	BỘ	へい	陛	BÊ	
	とう	頭	とう	に	肉	NHỤC	ばい	媒	ばん	氷	BĂNG	ふ	腐	HỦ	へい	閉	BÊ	
	とう	鬪	とう	に	日	NHẬT	ばい	配	ばん	悲	BI	ふ	腐	HỦ	へい	閉	BÊ	
	とう	鬪	とう	に	日	NHẬT	ばい	配	ばん	碑	BI	ふ	付	PHÓ	へい	病	BỆNH	
	とう	痘	とう	に	日	NHẬT	ばい	配	ばん	疲	BỈ	ふ	赴	PHÓ	へい	坪	BÌNH	
	とう	悼	とう	に	若	NHƯỢC	はく	博	ばん	皮	BỈ	ふ	風	PHONG	へい	平	BÌNH	
	とう	読	とう	に	入	NHẬP	はく	泊	ばん	彼	BỈ	ふ	普	PHỔ	へい	丙	BÍNH	
	とう	冬	とう	に	柔	NHU	はく	薄	ばん	秘	BÍ	ふ	譜	PHỔ	へい	柄	BÍNH	
	とう	凍	とう	に	乳	NHỮ	はく	迫	ばん	泌	BÍ	ふ	數	PHU	へい	兵	BÌNH	
	とう	凍	とう	に	乳	NHỮ	はく	白	ばん	泌	BÍ	ふ	膚	PHU	へい	幣	TÊ	
	とう	凍	とう	によ	如	NHƯ	はく	拍	ばん	被	BỊ	ふ	浮	PHỤ	へい	弊	TỆ	
	とう	筒	とう	によ	女	NỮ	ばく	博	ばん	批	PHÊ	ふ	符	PHỤ	へい	併	TÍNH	
	とう	棟	とう	によ	女	NỮ	ばく	暴	ばん	妃	PHI	ふ	扶	PHỤ	へい	並	TÍNH	
	とう	唐	とう	によ	尿	NIÊU	ばく	暴	ばん	扉	PHI	ふ	府	PHỦ	べい	米	MỄ	
	とう	糖	とう	によ	女	NỮ	ばく	爆	ばん	扉	PHI	ふ	府	PHỦ	べい	米	MỄ	
	とう	匿	とう	にん	妊	NHÂM	ばく	縛	ばん	披	PHI	ふ	富	PHÚ	へき	壁	BÍCH	
	とう	湯	とう	にん	任	NHÂM	ばく	幕	ばん	非	PHI	ふ	賦	PHÚ	へき	癖	TÍCH	
	とう	湯	とう	にん	任	NHÂM	ばく	漠	ばん	飛	PHI	ふ	賦	PHÚ	へき	癖	TÍCH	

Bảng tra âm On – âm Hán Việt

(Bản thử nghiệm 03)

べつ	別	BIỆT	ぼう	乏	PHẠP	みん	民	DÂN	ゆ	諭	DỰ	らく	酪	LAC	る	留	LƯU
へん	編	BIÊN	ぼう	剖	PHẪU	みん	眠	MIÊN	ゆ	輸	THÂU	らく	楽	LẠC	るい	涙	LỆ
へん	辺	BIÊN	ぼう	房	PHÒNG				ゆい	遺	DI	らん	濫	LẠM	るい	類	LOẠI
へん	変	BIẾN	ぼう	防	PHÒNG	む	矛	MÂU	ゆい	唯	DUY	らん	欄	LAN	るい	罌	LŨY
へん	遍	BIẾN	ぼう	妨	PHƯƠNG	む	夢	MỘNG	ゆう	郵	BUŨU	らん	乱	LOAN	るい	累	LŨY
へん	返	PHẢN	ぼう	紡	PHƯƠNG	む	謀	MƯU	ゆう	猶	DO	らん	卵	NOẢN			
へん	片	PHIẾN	ぼう	肪	PHƯƠNG	む	武	VỠ	ゆう	由	DO						
へん	偏	THIÊN	ぼう	坊	PHƯỜNG	む	無	VÔ	ゆう	遊	DU						
べん	弁	BIẾN	ぼう	亡	VONG	む	務	VỤ	ゆう	悠	DU						
べん	勉	MIỄN	ぼう	忘	VONG	む	霧	VỤ	ゆう	裕	DỰ						
べん	便	TIỆN	ぼう	妄	VONG				ゆう	誘	DỰ						
	ほ		ぼう	望	VONG	めい	名	DANH	ゆう	融	DUNG						
ほ	保	BẢO	ほく	北	BẮC	めい	命	MANG	ゆう	勇	DŨNG						
ほ	歩	BỘ	ぼく	僕	BỘC	めい	迷	MÊ	ゆう	雄	HÙNG						
ほ	補	BỔ	ぼく	墨	MẶC	めい	盟	MINH	ゆう	友	HỮU						
ほ	捕	BỘ	ぼく	木	MỘC	めい	銘	MINH	ゆう	右	HỮU						
ほ	浦	PHỔ	ぼく	牧	MỤC	めい	鳴	MINH	ゆう	有	HỮU						
ほ	舗	PHỔ	ぼく	目	MỤC	めい	明	MINH	ゆう	幽	U						
ぼ	簿	BA	ぼく	朴	PHÁC	めつ	滅	DIỆT	ゆう	優	ƯU						
ぼ	母	MẪU	ぼく	撲	PHÁC	めん	面	DIỆN	ゆう	憂	ƯU						
ぼ	募	MÔ	ほつ	北	BẮC	めん	綿	MIÊN									
ぼ	墓	MỘ	ほつ	法	PHÁP	めん	免	MIỄN	よ	余	DƯ						
ぼ	慕	MÔ	ぼつ	没	MỘT				よ	誉	DỰ						
ぼ	暮	MÔ	ほん	本	BẢN	も	茂	MẬU	よ	預	DỰ						
ぼ	模	MÔ	ほん	奔	BÔN	も	模	MÔ	よ	与	DỮ						
ほう	邦	BANG	ほん	反	PHẢN	もう	耗	HÁO	よう	幼	ẤU						
ほう	包	BAO	ほん	翻	PHIÊN	もう	盲	MANH	よう	様	DẠNG						
ほう	褒	BAO	ぼん	盆	BỒN	もう	猛	MÃNH	よう	搖	DAO						
ほう	泡	BÀO	ぼん	煩	PHIÊN	もう	毛	MAO	よう	揺	DAO						
ほう	胞	BÀO	ぼん	凡	PHẨM	もう	網	VÔNG	よう	謡	DAO						
ほう	宝	BẢO		ま		もう	妄	VỌNG	よう	葉	DIỆP						
ほう	抱	BẢO	ま	摩	MA	もう	望	VỌNG	よう	窠	DIÊU						
ほう	飽	BẢO	ま	磨	MA	もく	默	MẶC	よう	囉	DIÊU						
ほう	報	BÁO	ま	魔	MA	もく	木	MỘC	よう	容	DUNG						
ほう	崩	BẰNG	ま	麻	MA	もく	目	MỤC	よう	溶	DUNG						
ほう	棚	BẰNG	まい	埋	MAI	もつ	物	VẬT	よう	庸	DUNG						
ほう	俸	BỔNG	まい	枚	MAI	もん	門	MÔN	よう	踊	DŨNG						
ほう	砲	PHÁO	まい	米	MỄ	もん	文	VĂN	よう	用	DỤNG						
ほう	法	PHÁP	まい	每	MÔI	もん	紋	VĂN	よう	揚	DƯƠNG						
ほう	封	PHONG	まい	妹	MUỘI	もん	聞	VĂN	よう	洋	DƯƠNG						
ほう	峰	PHONG	まく	膜	MÔ	もん	問	VẤN	よう	羊	DƯƠNG						
ほう	豊	PHONG	まく	幕	MẠC				よう	陽	DƯƠNG						
ほう	放	PHÓNG	まつ	抹	MẠT	や	野	DÃ	よう	養	DŨƠNG						
ほう	倣	PHỎNG	まつ	末	MẠT	や	夜	ĐẠ	よう	擁	ƯNG						
ほう	訪	PHÓNG	まん	滿	MẢN	やく	厄	ÁCH	よう	腰	YÊU						
ほう	縫	PHỤNG	まん	漫	MAN	やく	疫	DỊCH									
ほう	奉	PHỤNG	まん	慢	MAN	やく	役	DỊCH	よく	欲	DỤC						
ほう	紡	PHƯƠNG	まん	万	VẠN	やく	訳	DỊCH	よく	浴	DỤC						
ほう	方	PHƯƠNG	まん	み		やく	葉	DỰC	よく	翌	DỰC						
ほう	芳	PHƯƠNG	み	魅	MỊ	やく	躍	DỰC	よく	翼	DỰC						
ぼう	傍	BẰNG	み	微	VI	やく	益	ÍCH									
ぼう	膨	BÀNH	み	味	VỊ	やく	約	ƯỚC									
ぼう	暴	BẠO	み	未	VỊ	やつ	厄	ÁCH	ら	羅	LA						
ぼう	棒	BỔNG							ら	裸	LỎA						
ぼう	棒	BỔNG	みつ	密	MẬT				らい	来	LAI						
ぼう	忙	MANG	みやく	脈	MẠCH	ゆ	由	DO	らい	頼	LAI						
ぼう	冒	MAO	みよう	名	DANH	ゆ	愉	DU	らい	礼	LỄ						
ぼう	帽	MẬU	みよう	妙	DIỆU	ゆ	油	DU	らい	雷	LÔI						
ぼう	貿	MẬU	みよう	命	MANG	ゆ	遊	DU									
ぼう	某	MỠ	みよう	明	MINH	ゆ	癒	DŨ	らく	絡	LẠC						
ぼう	謀	MƯU	みよう			ゆ			らく	落	LẠC						

